

QUYẾT ĐỊNH

SỞ NN & PTNT TỈNH HẬU GIANG

Số: 148

ĐẾN Ngày 10.9.13

Chuyên: BGDĐT + UBND + P.KH

Lưu hồ sơ: Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 16 tháng 11 năm 2003;

Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 16 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 13 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ NN&PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. TU và các Ban đảng;
- UBMTTQVN, các Đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN. KD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH

Nguyễn Liên Khoa

QUY ĐỊNH

**Nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh
phí địa phương trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24 /2013/QĐ-UBND

ngày 11 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí địa phương do ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện hoạt động khuyến nông thuộc các lĩnh vực sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, dịch vụ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy nông, cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Những nội dung khác liên quan đến hoạt động khuyến nông không có trong Quy định này thì áp dụng theo quy định tại Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông và Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sản xuất trên địa bàn tỉnh gồm:

a) Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hóa, nông dân thuộc diện hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015).

b) Chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã; công nhân nông, lâm trường; doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2. Các tổ chức khuyến nông:

a) Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh; Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư các huyện, thị xã và thành phố; Tổ Kỹ thuật nông nghiệp cấp xã (xã, phường, thị trấn); câu lạc bộ khuyến nông.

b) Các tổ chức khuyến nông trong và ngoài nước khác thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ.

3. Người hoạt động khuyến nông tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ.

4. Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, các Phòng Kinh tế thị xã và thành phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến nông

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước;
2. Thu từ thực hiện các hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông;
3. Tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;
4. Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Kinh phí khuyến nông:
 - a) Kinh phí cấp tỉnh được sử dụng cho những hoạt động khuyến nông phù hợp với nhu cầu, chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh. Việc xét chọn nội dung hoạt động khuyến nông hàng năm do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng kinh phí khuyến nông.
 - b) Kinh phí sự nghiệp nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố sử dụng cho hoạt động khuyến nông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố quyết định nội dung hoạt động và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng kinh phí đó.
2. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông phải công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng hưởng thụ theo quy định hiện hành.
3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến nông phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông địa phương

1. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo:
 - a) Nội dung chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo, gồm: Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng.
 - b) Mức hỗ trợ:
 - Đối với người sản xuất:
 - + Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 30.000 đồng/ngày

thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại tỉnh, thành phố; tối đa không quá 25.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ tiền đi lại theo giá giao thông công cộng đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên tối đa không quá 100.000 đồng/người/khóa học; đối với nơi không có phương tiện giao thông công cộng thanh toán theo mức khoán tối đa không quá 150.000 đồng/người/khóa học.

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp đơn vị tổ chức thuê chỗ ở cho học viên thì thực hiện theo quy định hiện hành.

+ Người nông dân sản xuất hàng hoá, chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại bằng 50% theo mức quy định đối với người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo;

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp đơn vị tổ chức thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ tối đa 50% chi phí; phần chi phí còn lại do học viên tham gia đóng góp.

+ Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học khi tham dự đào tạo.

- Đối với người hoạt động khuyến nông khi tham gia bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo được hỗ trợ:

+ Người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được đơn vị tổ chức đào tạo hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (ngoài ra được cơ quan sử dụng lao động hỗ trợ chi phí đi lại và công tác phí theo quy định của Nhà nước);

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp đơn vị tổ chức thuê chỗ ở cho học viên thì thực hiện theo quy định hiện hành.

+ Người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở cho người học theo mức quy định giống như người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo.

- Chi bồi dưỡng giảng viên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

- Chi khác (chi theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học):

Chi khai giảng, bế giảng; in chứng chỉ, tiền thuốc y tế thông thường cho học viên, khen thưởng, nước uống, văn phòng phẩm; thuê phương tiện, hội trường, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (đèn chiếu, máy vi tính, thiết bị khác...) vật tư thực hành lớp học.

Thời gian bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cụ thể đối với từng loại cây trồng, vật nuôi, chuyên đề do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định và hướng dẫn thực hiện.

2. Chi thông tin tuyên truyền:

Nhà nước hỗ trợ kinh phí thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân có dự án thông tin tuyên truyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác khuyến nông; phổ biến tiến bộ khoa học và công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến; thông qua:

a) Chương trình khuyến nông trên Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang; tài liệu, cẩm nang kỹ thuật, tạp chí, tập san, bản tin, trang web khuyến nông; cung cấp Sổ tay khuyến nông, Báo Nông nghiệp Việt Nam, Tạp chí Nông nghiệp Việt Nam, Tạp chí Khuyến nông, Báo Hậu Giang: Hàng năm căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho công tác tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng chương trình tuyên truyền về hoạt động khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện theo phương thức chỉ định thầu hoặc đặt hàng.

b) Chi biên soạn, in ấn và phát hành Bản tin Khuyến nông tỉnh Hậu Giang, ấn phẩm khuyến nông: Thực hiện theo quy định hiện hành.

c) Chi tổ chức hội nghị: Hội nghị tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông, hội nghị câu lạc bộ khuyến nông,... Mức chi theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

d) Chi tổ chức diễn đàn, tọa đàm khuyến nông: Chi thuê hội trường; tài liệu; tiền nước uống, báo cáo viên; hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho đại biểu tham gia diễn đàn.

Mức hỗ trợ đại biểu tham gia diễn đàn, tọa đàm theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 5 của Quy định này; Mức chi nước uống, báo cáo viên thực hiện theo mức chi quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

đ) Chi tham gia hội chợ triển lãm: Đơn vị được giao thực hiện chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cụ thể.

e) Chi hội thi về các hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, thuê hội trường, trang thiết bị, văn phòng phẩm; chi ban giám khảo chấm thi; chi hội đồng tư vấn khoa học, soạn câu hỏi và đáp án; chi khai mạc, bế mạc, chi tiền ăn, hóa chất, vật tư, dụng cụ phục vụ cuộc thi (nếu có); chi đạo diễn và biên tập chương trình thi; chi hỗ trợ đưa đón thí sinh dự thi và chi khác. Định mức chi do đơn vị tổ chức xây dựng kế hoạch và dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

g) Xây dựng và quản lý dữ liệu hệ thống thông tin khuyến nông: Chi thuê đường truyền, mua phần mềm, cập nhật số liệu, bảo trì, bảo mật và các khoản chi khác (nếu có). Định mức chi theo kế hoạch và dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi xây dựng các mô hình trình diễn về khuyến nông:

a) Nội dung:

- Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện ứng dụng của tỉnh;

- Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với quy định của Luật Công nghệ cao;

- Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững;

b) Mức hỗ trợ:

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến và nhân rộng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất phù hợp với điều kiện ứng dụng của tỉnh:

+ Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn: Nông dân được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu;

+ Mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản chế biến và ngành nghề nông thôn được hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị: Nông dân được hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 75 triệu đồng/mô hình;

+ Mô hình ứng dụng công nghệ cao hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình;

+ Mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững: Hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình;

- Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo, theo dõi mô hình trình diễn tính bằng mức lương tối thiểu chia 22 ngày nhân (x) với số ngày thực tế thuê.

Trường hợp cán bộ khuyến nông tham gia trực tiếp chỉ đạo, theo dõi mô hình trình diễn thì được hỗ trợ chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, công làm việc ngoài giờ hành chính theo quy định của Nhà nước.

- Chi triển khai mô hình trình diễn: Tập huấn cho người tham gia mô hình, tổng kết mô hình và chi khác (nếu có). Mức chi tối đa không quá 12 triệu đồng/mô hình, riêng mô hình công nghệ cao tối đa không quá 15 triệu đồng/mô hình. Trong đó mức chi hỗ trợ tiền ăn cho người tham gia tập huấn và dự tổng kết không quá 25.000 đồng/người/ngày;

Quy mô mô hình, mức hỗ trợ, định mức cán bộ kỹ thuật, chi hướng dẫn kỹ thuật cho từng mô hình cụ thể do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định, đảm bảo phù hợp với tính chất của từng mô hình, nhưng không vượt quá tỷ lệ và mức hỗ trợ tại Quy định này.

4. Chi nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng:

Hỗ trợ kinh phí thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội thảo đầu bờ. Mức chi 15 triệu đồng/1 mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến; trong đó mức hỗ trợ cho người tham gia triển khai mô hình, giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật áp dụng quy định tại Tiết thứ ba (-), Điểm b, Khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

5. Chi mua bản quyền tác giả, mua công nghệ mới gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi biên soạn và in ấn giáo trình, tài liệu bướm, tài liệu mẫu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn khuyến nông: Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

7. Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông; thuê chuyên gia đánh giá hoạt động khuyến nông: Căn cứ mức độ cần thiết và khả năng kinh phí, thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, dự án khuyến nông lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

8. Chi tham quan, học tập trong và ngoài nước:

a) Chi tham quan học tập trong nước: Mức chi theo quy định hiện hành.

b) Chi tham quan học tập kinh nghiệm nước ngoài: Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

9. Chi điều tra khảo sát, xây dựng các chương trình dự án khuyến nông: Mức chi theo quy định hiện hành.

10. Mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc mua sắm trang thiết bị thực hiện theo quy định hiện hành.

11. Chi quản lý chương trình dự án khuyến nông:

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông được sử dụng tối đa không quá 2% kinh phí khuyến nông do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, dự án, kiểm tra, giám sát đánh giá, gồm: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, dự án khuyến nông; chi khác (nếu có). Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí.

b) Đối với tổ chức thực hiện dự án khuyến nông: Đơn vị triển khai thực hiện dự án khuyến nông được chi không quá 3% dự toán của dự án để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, gồm: Chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, thuê tư vấn đấu thầu, thuê thẩm định giá, nghiệm thu chương trình, dự án khuyến nông, chi khác (nếu có);

12. Chi khác phục vụ cho hoạt động khuyến nông (nếu có): Thực hiện theo kế hoạch và dự toán được Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Điều 6. Điều kiện để thực hiện các mô hình trình diễn khuyến nông; điều kiện tham gia triển khai các chương trình, dự án khuyến nông

1. Điều kiện người sản xuất được hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn:

a) Có địa điểm để thực hiện mô hình trình diễn phù hợp với nội dung, quy trình kỹ thuật của mô hình;

b) Cam kết đầu tư vốn cho mô hình phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và dự án;

c) Tự nguyện tham gia thực hiện mô hình, cam kết ghi chép sổ sách đầy đủ phục vụ cho công tác tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện mô hình; Tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức đến tham quan học tập nhân rộng mô hình.

2. Điều kiện đơn vị tham gia thực hiện triển khai chương trình, dự án khuyến nông:

a) Có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với lĩnh vực thuộc chương trình, dự án khuyến nông;

b) Đủ năng lực để thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh quy định tiêu chuẩn các đơn vị được tham gia các chương trình, dự án khuyến nông.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu, phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với việc mua giống, vật tư, công cụ, dụng cụ, máy móc, thiết bị và các loại tài sản khác phục vụ cho việc thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông

1. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu:

a) Đối với ngân sách cấp tỉnh được sử dụng cho hoạt động khuyến nông: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu thầu.

b) Đối với ngân sách sự nghiệp nông nghiệp cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố) sử dụng cho hoạt động khuyến nông: Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố phê duyệt kế hoạch đấu thầu.

2. Thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: Các tổ chức khuyến nông được giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Điều 8. Lập, chấp hành, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước và công tác thanh tra, kiểm tra, báo cáo

1. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước:

a) Hàng năm, căn cứ nội dung, kế hoạch hoạt động khuyến nông của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động khuyến nông lập dự toán kinh phí khuyến nông cùng với dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với ngân sách tỉnh; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với ngân sách huyện) gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dự toán hàng năm cho đơn vị.

b) Kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông theo quy định tại Quy định này được phản ánh và quyết toán vào Loại 010 khoản 014 “Các hoạt động dịch vụ nông nghiệp”; theo Chương tương ứng của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí hoạt động khuyến nông được thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và theo chế độ quy định quản lý tài chính hiện hành.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra, báo cáo:

a) Cơ quan, đơn vị thực hiện kinh phí hoạt động khuyến nông có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất tình

hình thực hiện kinh phí khuyến nông, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông đúng mục đích, có hiệu quả.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn việc thực hiện kinh phí hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố có trách nhiệm thực hiện nội dung và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông theo đúng Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Liên Khoa